

Số: 224 /KH-ĐT

Học Môn, ngày 27 tháng 09 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT năm học 2022 - 2023

Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THCS Đông Thạnh xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của trường năm học 2022 - 2023 như sau:

I. MỤC TIÊU - YÊU CẦU

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Thực hiện việc công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh. (*Biểu mẫu 09*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế năm học 2021 - 2022

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT. (*Biểu mẫu 10*).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

a) Cơ sở vật chất

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp. (*Biểu mẫu 11*).

b) Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo. (*Biểu mẫu 12*).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ.

3. Công khai thu chi tài chính

Công khai tài chính, nhà trường công khai hàng tháng.

Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác, chính sách miễn giảm.

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức

Công khai trên website của nhà trường.

Niêm yết công khai kết quả trên bảng tin của nhà trường.

Công khai trong các kỳ hội nghị, họp Hội đồng Sư phạm, họp Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

2. Thời điểm công khai

Công khai vào tháng 6 và bổ sung vào tháng 09 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về việc tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định; thực hiện tổng kết, đánh giá công tác

công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và cải tiến chất lượng giáo dục của trường.

2. Phân công nhiệm vụ

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai đội ngũ, cán bộ quản lý, tài chính, tài sản, thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhà trường.

Phó hiệu trưởng chịu trách nhiệm thực hiện quản lý và công khai chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế của trường, thực hiện quản lý và công khai về cơ sở vật chất, quản lý về chất lượng phổ cập giáo dục; cùng với Hiệu trưởng thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục của trường.

Chủ tịch Công đoàn thực hiện việc giám sát hoạt động công khai của nhà trường.

Tổ trưởng chuyên môn thực hiện thống kê kết quả giảng dạy của cá nhân, tổ, kết quả bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ của các thành viên trong tổ khối trong tổ để thực hiện báo cáo kết quả cho nhà trường.

Kế toán thực hiện quyết toán thu chi theo quy định, lưu giữ chứng từ; báo cáo công khai thu chi tài chính theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của trường THCS Đông Thạnh năm học 2022 - 2023 ./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT HM (để báo cáo);
- CBQL, CTCĐ;
- Trang website, bản tin nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Sơn

Số: 4⁹/QĐ-ĐT

Hóc Môn, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện công khai theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT đối với cơ sở giáo dục

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

Căn cứ Quyết định số 29 ngày 27 tháng 3 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Huyện Học Môn về việc thành lập trường THCS Đông Thạnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng theo điều lệ trường trung học hiện hành,

QUYẾT ĐỊNH:

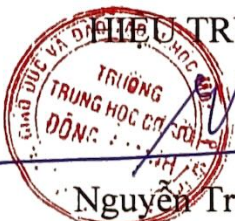
Điều 1. Thành lập Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch công khai của Trường THCS Đông Thạnh gồm các ông bà có tên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch công khai theo quy chế, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu: 09, 10, 11, 12 gồm nội dung: (1) Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; (2) Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; (3) Công khai thu, chi tài chính.

Điều 3. Các bộ phận và cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.


Nguyễn Trung Sơn

**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐÔNG THẠNH**

DANH SÁCH

Ban chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch về công khai năm học 2022 – 2023

(Quyết định số 49 /QĐ-ĐT ngày 27 tháng 9 năm 2022 của trường THCS Đông Thạnh)

Stt	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1.	Ông Nguyễn Trung Sơn	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2.	Ông Lê Công Toại	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
3.	Bà Nguyễn Thị Thanh Minh	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
4.	Ông Khưu Kim Khôi	Chủ tịch công đoàn	Phó Trưởng ban
5.	Bà Trần Thủy Tuyên	Kế toán	Ủy viên
6.	Bà Đặng Châu Bích Ngọc	Tổng phụ trách đội	Ủy viên
7.	Bà Đặng Thị Huyền Trân	Văn thư	Ủy viên
8.	Bà Phan Mỹ Linh	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Thùy Trang	Tổ trưởng tổ Toán học	Ủy viên
10.	Bà Trần Thị Thanh Hiền	Tổ trưởng tổ tiếng Anh	Ủy viên
11.	Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên
12.	Bà Nguyễn Thị Minh Tuyền	Tổ trưởng tổ KHXXH	Ủy viên
13.	Bà Trần Thị Cẩm Nhung	Tổ trưởng tổ Tin-CN	Ủy viên
14.	Ông Trần Quang Sơn	Tổ trưởng tổ Nghệ thuật Thể dục	Ủy viên
15.	Ông Trần Minh Châu	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên

.../...



Biểu mẫu 09

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN

TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đúng quy định, đảm bảo đủ chỗ học	Đúng quy định, đảm bảo đủ chỗ học	Đúng quy định, đảm bảo đủ chỗ học	Đúng quy định, đảm bảo đủ chỗ học
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CT GDPT 2018	CT GDPT 2018	QĐ số 16/2006/QĐ-Đ-BGDĐT	QĐ số 16/2006/QĐ-Đ-BGDĐT
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Trách nhiệm, tích cực, sáng tạo	Trách nhiệm, tích cực, sáng tạo	Trách nhiệm, tích cực, sáng tạo	Trách nhiệm, tích cực, sáng tạo
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ, toàn diện	Đầy đủ, toàn diện	Đầy đủ, toàn diện	Đầy đủ, toàn diện
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%	Trên 95%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng	Đủ khả năng

Hóc Môn, ngày 26 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Trung Sơn**

Biểu mẫu 10

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2942	548	617	923	854
1	Tốt	2573	497	568	770	738
	(tỷ lệ so với tổng số)	87.46%	90.70%	92.10%	83.40%	86.40%
2	Khá	349	50	46	141	112
	(tỷ lệ so với tổng số)	11.86%	9.10%	7.50%	15.30%	13.10%
3	Trung bình	20	1	3	12	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.68%	0.20%	0.50%	1.30%	0.50%
4	Yếu	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	2942	548	617	923	854
1	Giỏi	1188	203	278	361	346
	(tỷ lệ so với tổng số)	40.38%	37.00%	45.10%	39.10%	40.50%
2	Khá	1086	187	191	375	333
	(tỷ lệ so với tổng số)	36.91%	34.10%	31.00%	40.60%	39.00%
3	Trung bình	619	140	132	174	173
	(tỷ lệ so với tổng số)	21.04%	25.50%	21.40%	18.90%	20.30%
4	Yếu	49	18	16	13	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.67%	3.30%	2.60%	1.40%	0.20%
5	Kém	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	2893	530	601	910	852
	(tỷ lệ so với tổng số)	98.33%	96.70%	97.40%	98.60%	99.80%
a	Học sinh giỏi	1181	203	275	357	346
	(tỷ lệ so với tổng số)	40.14%	37.04%	44.57%	38.68%	40.52%
b	Học sinh tiên tiến	1029	127	193	376	333
	(tỷ lệ so với tổng số)	34.98%	23.18%	31.28%	40.74%	38.99%
2	Thi lại	45	18	16	13	2
	(tỷ lệ so với tổng số)	1.53%	3.28%	2.59%	1.41%	KỠĐKXTN
3	Lưu ban	21	7	9	5	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0.71%	1.28%	1.46%	0.54%	0.00%
4	Chuyển trường đến	19	3	2	9	5
	Chuyển trường đi	95	47	17	25	6
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	61	11	15	24	11
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	15	0	0	0	15
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	0	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	nghệ nghiệp	923				923
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp cả hai hệ	921				
1	Giỏi	346				346
	(tỷ lệ so với tổng số)	37.57%				37.57%
2	Khá	367				367
	(tỷ lệ so với tổng số)	39.85%				39.85%
3	Trung bình	208				208
	(Tỷ lệ so với tổng số)	22.58%				22.58%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0				0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1538/1404	304/244	330/287	477/446	427/427
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	53	16	14	15	8

Hóc Môn, ngày 26 tháng 09 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN

TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	SL	Bình quân	GHI CHÚ
I	Số phòng học	53		
II	Loại phòng học			
1	Phòng học kiên cố	53		
2	Phòng học bán kiên cố	0		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học nhờ	0		
5	Số phòng học bộ môn	11		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0		
7	Bình quân lớp/phòng học	0,85		
8	Bình quân học sinh/lớp	45,6		
III	Số điểm trường			
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	12.147,8		
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	742		
VI	Tổng diện tích các phòng			
1	Diện tích phòng học (m ²)	63		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	100		
3	Diện tích thư viện (m ²)	123		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	544		Bao gồm nhà vệ sinh, phòng thay đồ, phòng GV
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	56		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	90		
1.1	Khối lớp 6	35		
1.2	Khối lớp 7	17		
1.3	Khối lớp 8	20		
1.4	Khối lớp 9	18		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	287		
2.1	Khối lớp 6	186		
2.2	Khối lớp 7	31		
2.3	Khối lớp 8	30		
2.4	Khối lớp 9	40		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	180		

IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	15		
1	Ti vi			
2	Cát xét	8		
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3		
5	Đàn	1		
6	Active board	3		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	192	Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi			
2	Cát xét	8		
3	Đầu Video/đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3		
5	Đàn	1		
6	Máy tính	180		

	Nội dung	Số lượng (m ²)		
X	Nhà bếp	0		
XI	Nhà ăn			
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	17/1327	744	1,78 m2/HS
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chun g	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2 khu	8 khu		480	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Học Môn, ngày 26 tháng 9 năm 2022



Nguyễn Trung Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN
TRƯỜNG THCS ĐÔNG THẠNH

Biểu mẫu 12

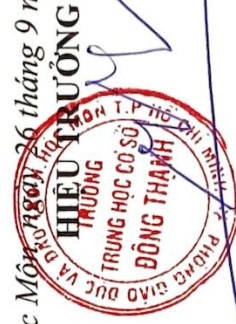
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TBinh
I	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	124	0	2	103	12	4	3	70	46	0	0	83	15
	Giáo viên	112	0	2	99	11	0	0	69	43	0	0	80	15
1	Toán	20	0	1	16	3	0	0	12	8	0	0	20	0
2	Lý	6	0		6	0	0	0	3	3	0	0	6	0
3	Hóa	6	0	1	5	0	0	0	5	1	0	0	2	2
4	Sinh	8	0	0	8	0	0	0	6	2	0	0	6	1
5	Văn	19	0	0	19	0	0	0	12	7	0	0	17	1
6	Sử	6	0	0	6	0	0	0	3	3	0	0	6	0
7	Địa	5	0	0	4	1	0	0	4	1	0	0	2	3
8	Tiếng anh	13	0	0	13	0	0	0	7	6	0	0	0	0
9	GDCD	5	0	0	4	1	0	0	3	2	0	0	4	1
10	Công nghệ	6	0	0	5	1	0	0	3	3	0	0	6	0
11	Thể dục	6	0	0	3	3	0	0	5	1	0	0	1	5
12	Âm nhạc	2	0	0		2	0	0	2	0	0	0	0	2
13	Mỹ thuật	2	0	0	2	0	0	0	1	1	0	0	2	0
14	Tin học	7	0	0	7	0	0	0	2	5	0	0	7	0
15	Tổng phụ trách	1	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TBinh	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	124	0	2	103	12	4	3	70	46	0	0	83	15	0
II	Cán bộ quản lý	3	0		3			0		3			3		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2		
III	Nhân viên	9	0	0	1	1	4	3	1	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ	1			1				1						
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Hợp đồng 161	6					3	3							

Học Môn ~~Ngôn ngữ~~ 26 tháng 9 năm 2021



Nguyễn Trung Sơn